

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29/2020/DS-ST**.

Ngày: 29- 9- 2020.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Thắng.

2. Ông Vũ Mạnh Thu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Thành Thước. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2020/TLST - DS, ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST - DS, ngày 25/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST–DS, ngày 10/9/2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng NN.

Địa chỉ trụ sở: Số 02 đường LH, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền khởi kiện: Ông Lưu Xuân H. Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng NN chi nhánh K, theo giấy uỷ quyền số 2965/QĐ – NHNo –PC, ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng NN.

Người được uỷ quyền lại tham gia tố tụng: Ông Cao Duy Bảo Q, sinh năm: 1985. Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngân hàng NN chi nhánh K.

Địa chỉ: Khôi 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H.

Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2020 và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Cao Duy Bảo Quang trình bày: Trong năm 2016 và 2018 vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H; Địa chỉ Thôn 2, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có ký 02 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng NN chi nhánh K để vay tổng cộng số tiền là 600.000.000đ tiền gốc, cụ thể:

Vào ngày 11/10/2016 Ngân hàng NN chi nhánh K có ký hợp đồng tín dụng số 2147/HĐTD với ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H. Theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng cho ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H vay số tiền 500.000.000đ. Mục đích vay là mua máy sản xuất. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 11/10/2016. Thời hạn trả nợ gốc gồm 5 kỳ trả nợ cụ thể:

Ngày 11/10/2017 trả 50.000.000đ tiền vay gốc.

Ngày 11/10/2018 trả 50.000.000đ tiền vay gốc.

Ngày 11/10/2019 trả 100.000.000đ tiền vay gốc.

Ngày 11/10/2020 trả 100.000.000đ tiền vay gốc.

Ngày 11/10/2021 trả 200.000.000đ tiền vay gốc.

Theo hợp đồng lãi suất thỏa thuận: Lãi trong hạn là 11,5%/năm trên dư nợ gốc và lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn là 17,25%/ năm. Phương thức trả lãi suất theo phân kỳ trả nợ gốc. Từ ngày ký hợp đồng đến nay ông T, bà H đã trả cho ngân hàng được 100.000.000đ tiền gốc và đã trả được 128.135.715đồng tiền lãi suất, còn nợ ngân hàng 400.000.000đ tiền gốc và khoản nợ lãi suất phát sinh.

Tiếp đến ngày 02/11/2018 Ngân hàng NN chi nhánh K có ký hợp đồng tín dụng số: 5223LAV201802504 với ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H. Theo hợp đồng thì Ngân hàng giải ngân cho ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H vay số tiền 100.000.000đ. Mục đích vay là mua sắm vật dụng trong gia đình và phương tiện đi lại. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 02/11/2018.

Theo hợp đồng lãi suất thỏa thuận: Lãi trong hạn là 10,5%/năm trên dư nợ gốc và lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn là 15,75%/ năm. Phương thức trả lãi suất theo phân kỳ trả nợ gốc. Tính đến ngày khởi kiện ông T bà H vẫn còn nợ ngân hàng 100.000.000đ tiền gốc và lãi suất phát sinh. Từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến nay ông Trường, bà Huệ chưa trả được cho Ngân hàng khoản tiền vay gốc và lãi suất nào cả.

Để đảm bảo cho hai khoản vay trên thì ngày 11/10/2016 ông Nguyễn Minh Trường và bà Đinh Thị Mỹ Huệ có ký hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 2147/HĐTC để thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BD 963945, thửa đất số 236, tờ bản đồ số 29, diện tích 420 m² được UBND huyện Ea Kar cấp ngày 29/6/2011 cho bà Đinh Thị Mỹ Huệ và ông Nguyễn Minh Trường; Địa chỉ thửa đất tại Thôn 2, xã Ea Pal, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ea Kar vào ngày 13/10/2016.

Từ khi vay cho đến nay đã quá hạn trả nợ, Ngân hàng đã cử cán bộ tín dụng đến nhắc nhở và đã tạo điều kiện cho ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H trả nợ cho ngân hàng nhưng ông Trường, bà Huệ mới đã trả được cho Ngân hàng 100,000,000đ tiền vay gốc và 128,171,013đ tiền lãi suất phát sinh. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H và yêu cầu ông Trường, bà Huệ bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để ngân hàng bán thu hồi nợ, tuy nhiên ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H không đồng ý bàn giao tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 2147/HĐTC, ngày 11/10/2016 cho ngân hàng để ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

Vì vậy, Ngân hàng NN đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi suất tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2020 là 604,731,794đ; Trong đó: Tiền vay nợ gốc là 500,000,000đ, tiền nợ lãi trong hạn là 94,259,177đ, tiền lãi suất quá hạn là 10.472,617đ, và khoản nợ lãi suất phát sinh từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trong trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng NN thì Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên quyền cho Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Ea Kar phát mãi tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BD 963945, thửa đất số 236, tờ bản đồ số 29, diện tích 420 m² được UBND huyện Ea Kar cấp ngày 29/6/2011 cho bà Đinh Thị Mỹ Huệ và ông Nguyễn Minh Trường; Địa chỉ thửa đất tại Thôn 2, xã E, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 2147/HĐTC ngày 11/10/2016 để thu hồi nợ. Trong trường hợp ông Trường, bà Huệ đã thanh toán đầy đủ tiền vay gốc và toàn bộ lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp trên cho ông Trường, bà Huệ.

* Tại biên bản lấy lời khai, ngày 24/7/2020 (Bút lục số 64, 65), bị đơn ông Nguyễn Minh Trường trình bày: Trong năm 2016 và năm 2018 vợ chồng tôi (ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H) có vay của Ngân hàng NNchi nhánh K 02 lần tổng cộng số tiền là 600.000.000đ tiền gốc, cụ thể:

Vào ngày 11/10/2016, vợ chồng Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H có ký hợp đồng tín dụng số 2147/HĐTD với Ngân hàng NNchi nhánh K để vay số tiền 500.000.000đ. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 11/10/2016. Thời hạn trả nợ gốc gồm 5 kỳ trả nợ cụ thể:

Ngày 11/10/2017 trả 50.000.000đ tiền vay gốc.

Ngày 11/10/2018 trả 50.000.000đ tiền vay gốc.

Ngày 11/10/2019 trả 100.000.000đ tiền vay gốc.

Ngày 11/10/2020 trả 100.000.000đ tiền vay gốc.

Ngày 11/10/2021 trả 200.000.000đ tiền vay gốc.

Theo hợp đồng lãi suất thỏa thuận: Lãi trong hạn là 11,5%/năm trên dư nợ gốc và lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn là 17,25%/ năm. Phương thức trả lãi suất theo phân kỳ trả nợ gốc. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T bà H đã trả cho ngân hàng được 100.000.000đ tiền gốc và 128. 171.013đ tiền lãi suất phát sinh. Tính đến ngày khởi kiện (20/4/2020) ông T bà H còn nợ của Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi suất là: 456.854.563đ.

Ngày 02/11/2018 vợ chồng tôi (ông Trường, bà Huệ) có ký tiếp hợp đồng tín dụng số: 5223LAV201802504 ngày 02/11/2018 với Ngân hàng NNchi nhánh K vay số tiền 100.000.000đ. Mục đích vay là mua sắm vật dụng trong gia đình và phương tiện đi lại. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 02/11/2018. Theo hợp đồng lãi suất thỏa thuận: Lãi trong hạn là 10,5%/năm trên dư nợ gốc và lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn là 15,75%/ năm. Phương thức trả lãi suất theo phân kỳ trả nợ gốc. Tính đến ngày khởi kiện ông T bà H vẫn còn nợ ngân hàng

100.000.000đ tiền gốc và lãi suất phát sinh, đến nay ông T bà H chưa trả cho Ngân hàng khoản tiền vay gốc và lãi suất nào cả.

Như vậy tính đến ngày khởi kiện 20/4/2020 vợ chồng ông T bà H còn nợ số tiền vay gốc 500.000.000đ và khoản tiền nợ lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ngày 11/10/2016 ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H có ký hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 2147/HĐTC để thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BD 963945, thửa đất số 236, tờ bản đồ số 29, diện tích 420 m2 được UBND huyện Ea Kar cấp ngày 29/6/2011 cho bà Đinh Thị Mỹ H và ông Nguyễn Minh T; Địa chỉ thửa đất tại Thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn, tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H đều vắng mặt không có lý do; Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H. Căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Ý kiến tranh luận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng ông Cao Duy Bảo Q trình bày: Ông Q vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng NN số tiền vay gốc và lãi suất tính đến ngày 29/9/2020 là 604,731,794đ; Trong đó: Tiền vay nợ gốc là 500,000,000đ, tiền nợ lãi trong hạn là 94,259,177đ, tiền lãi suất quá hạn là 10,472,617đ, và khoản nợ lãi suất phát sinh theo hợp đồng từ ngày 30/9/2020 cho đến khi

thanh toán xong nợ; Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án cưỡng chế bán phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo quyền tham gia tố tụng của các bên.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Duy Bảo Q đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Trường, bà Huệ vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 73, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 luật các tổ chức tín dụng và đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN. Buộc ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2020) là 604,731,794đ và khoản nợ lãi suất phát sinh theo hợp đồng từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ; Xử lý

tài sản thế chấp của ông T, bà H; Bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng NN lập ngày 20 tháng 4 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và tại thời điểm xác lập hợp đồng tín dụng với ngân hàng, ông T, bà H ghi địa chỉ trong hợp đồng là tại thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) buộc ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H trả cho Ngân hàng NN 500.000.000đ tiền vay gốc, HĐXX nhận định: Ngày 11/10/2016 ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H có xác lập Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng NN, chi nhánh K. Theo hợp đồng tín dụng số 2147/HĐTD, ông T, bà H vay của Ngân hàng 500.000.000đ tiền gốc. Đến ngày 02/11/2018 ông T, bà H ký hợp đồng tín dụng số 5223LAV201802504 với Ngân hàng NN, chi nhánh K để vay tiếp số tiền 100.000.000đ. Việc ký kết các hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự

nguyên, nội dung các hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật. Theo hợp đồng tín dụng số 2147, ngày 11/10/2016 các bên đã ký kết thì ông Trường, bà Huệ có trách nhiệm hoàn trả nợ gốc cho Ngân hàng là 5 kỳ trả nợ; Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 11/10/2017 trả 50.000.000đ tiền vay gốc và ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 11/10/2021 trả 200.000.000đ tiền vay gốc. Và theo hợp đồng tín dụng số 5223LAV201802504, ngày 02/11/2018, thời hạn trả nợ vào ngày 02/11/2019. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2020 ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H mới trả được cho ngân hàng 100.000.000đ tiền vay gốc và 128.171.013đ tiền lãi suất. Số tiền vay gốc còn lại là 500.000.000đ ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H không trả cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Căn cứ điều luật viện dẫn nêu trên, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy HĐXX áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự buộc ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng NN500.000.000 đồng tiền vay gốc là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng số 2147, ngày 11/10/2016 các bên đã ký kết, lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận 11.5%/ 1 năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và theo hợp đồng tín dụng số 5223LAV201802504, ngày 02/11/2018 lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận 10.5%/ 1 năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Căn cứ mục 3 phần I Thông Tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19 tháng 6 năm 1997 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp và Bộ tài chính và thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất của các bên để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho

đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tiền lãi suất được tính cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 2147, ngày 11/10/2016 đối với số tiền 500.000.000đ.

Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Lãi suất	Số tiền gốc	Tiền lãi
Tiền lãi suất trong hạn:					
13/10/2016	30/11/2016	49	11.50%	500.000.000đ	7,826,389đ
01/12/2016	15/02/2017	77	11.50%	500.000.000đ	12,298,611đ
16/02/2017	16/5/2017	90	11.50%	500.000.000đ	14,375,000đ
17/5/2017	15/8/2017	91	11.50%	500.000.000đ	14,534,722đ
16/8/2017	15/10/2017	61	11.50%	500.000.000đ	9,743,056đ
16/10/2017	16/10/2017	1	11.50%	453.000.000đ	144,708đ
16/10/2017	16/10/2017	1	11.50%	3.000.000đ	958đ
17/10/2017	31/12/2017	76	11.50%	450.000.000đ	10,925,000đ
01/01/2018	25/02/2018	56	11.50%	450.000.000đ	8,050,000đ
26/2/2018	20/4/2018	54	11.50%	450.000.000đ	7,7602,500đ
21/04/2018	30/6/2018	71	11.50%	450.000.000đ	10,206,250đ
01/7/2018	11/10/2018	103	11.50%	450.000.000đ	14,806,250đ
12/10/2018	14/10/2018	3	11.50%	450.000.000đ	431,250đ
15/10/2018	8/12/2018	55	11.50%	450.000.000đ	7,027,778đ
9/12/2018	24/02/2019	78	11.50%	450.000.000đ	9,966,667đ
25/02/2019	29/9/2020	582	11.50%	450.000.000đ	74,366,667đ
Tiền lãi suất quá hạn					
12/10/2017	16/10/2017	5	5.75%	47.000.000đ	37,535đ
12/10/2017	16/10/2017	5	5.75%	3.000.000đ	2,396đ
12/10/2018	15/10/2018	4	5.75%	50.000.000đ	31,944đ
12/10/2019	29/9/2020	354	5.75%	100.000.000đ	5,654,167đ

+ Hợp đồng tín dụng số 5223LAV201802504, ngày 02/11/2018 đối với số tiền 100.000.000đ.

Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Lãi suất	Số tiền gốc	Tiền lãi
---------	----------	---------	----------	-------------	----------

Tiền lãi suất trong hạn:					
05/11/2018	29/9/2020	694	10.50%	100.000.000đ	19,964,384đ
Tiền lãi suất quá hạn					
5/11/2019	29/9/2020	330	5.25%	100.000.000đ	4,746,575đ

Tổng số tiền lãi trong hạn là 222,430,190đ, khấu trừ số tiền lãi trong hạn đã trả 128,171,013đ, còn nợ 94,259,177đ; tiền lãi suất quá hạn: 10,472,617đ.

Tổng tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn còn nợ là: 104,731,794đ.

Như vậy tổng cộng tiền vay gốc và lãi suất tính đến ngày xét xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2020) còn nợ là 604,731,794đ.

[4] Về tài sản thế chấp: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2147/HĐTC ngày 11/10/2016 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Phước, ngày 12/10/2016 và được chứng nhận thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Ea Kar ngày 13/10/2016 thì ông Nguyễn Minh T và bà Đinh Thị Mỹ H thế chấp cho Ngân hàng NN bằng Quyền sử dụng đất, đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BD 963945, thửa đất số 236, tờ bản đồ số 29, diện tích 420 m² được UBND huyện Ea Kar cấp ngày 29/6/2011 cho bà Đinh Thị Mỹ H và ông Nguyễn Minh T; Địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Xét thấy việc thế chấp trên của các bên đương sự là hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 318 Bộ luật dân sự. Áp dụng Điều 319, Điều 355 Bộ luật dân sự; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP, ngày 22/02/2012 của Chính phủ và Khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/ 2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm tuyên: Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án cưỡng chế bán phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ trên phạm vi nghĩa vụ bảo đảm 500.000.000đ tiền vay gốc và các khoản phát sinh trên số tiền vay gốc.

[5] **Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:** Căn cứ Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H phải chịu 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) tiền xem xét thẩm định tại chỗ tài sản, số tiền này được khấu trừ vào 2.000.000đ tiền tạm ứng chi phí tố tụng thẩm định tài sản mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Duy Bảo Q đã nộp tại Tòa án, đã chi phí xong. Số tiền còn lại 900.000đ, Tòa án đã trả lại số tiền 900.000đ cho ông Cao Duy Bảo Q (Bút lục số 77). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, HĐXX buộc ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng NN 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) tiền xem xét thẩm định tại chỗ.

[6] **Về án phí sơ thẩm:** Do Tòa án nhân dân huyện Ea Kar chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN buộc ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng NN số tiền 604,731,794đ. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H là gia đình hộ nghèo của thôn 2, xã E, huyện E (Bút lục số 92-94) và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật. Tòa án theo điểm đ, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H.

Hoàn trả cho Ngân hàng NN 13.531.285đ (Mười ba triệu năm trăm ba mươi một nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0011103 ngày 01/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 157, Điều 158, Điều 195, Điều 203; Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228; Khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 luật các tổ chức tín dụng; Khoản 3 Điều 318, Điều 319, Điều 355 Bộ luật dân sự; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP, ngày 22/02/2012 của Chính phủ và Khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/ 2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN.

Buộc ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng NN số tiền vay gốc và lãi số tính đến ngày 29/9/2020 là 604,731,794đ; Trong đó: Tiền vay nợ gốc là 500.000.000đ, tiền nợ lãi trong hạn là 94,259,177đ, tiền lãi suất quá hạn là 10,472,617đ, và khoản nợ lãi suất phát sinh từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ; Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông T, bà H không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/9/2020 ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho

Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì nguyên đơn Ngân hàng NN có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án huyện E cưỡng chế bán phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 2147/HĐTC ngày 11/10/2016 để thanh toán nợ trên phạm vi nghĩa vụ bảo đảm 500.000.000đ tiền vay gốc và các khoản lãi phát sinh trên số tiền vay gốc. Trong trường hợp ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng NN có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp cho ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BD 963945, thửa đất số 236, tờ bản đồ số 29, diện tích 420 m2 được UBND huyện Ea Kar cấp ngày 29/6/2011 cho bà Đinh Thị Mỹ H và ông Nguyễn Minh T; Địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Về chi phí thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H phải có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng NN số tiền 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng chẵn)

- Về án phí sơ thẩm:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H.

Hoàn trả cho Ngân hàng NN 13.531.285đ (Mười ba triệu năm trăm ba mươi một nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0011103 ngày 01/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Đinh Thị Mỹ H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Võ Thị Mai